

Bản án số: 278/2018/DS-ST
Ngày: 22/5/2018
Về tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hồng;
2. Bà Tổng Thị Kim Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Tp.HCM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2018/QĐST-HPT ngày 24 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ trụ sở: đường NKKN, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M – Nhân viên Ngân hàng; Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền số 150/2018/UQ-TTT ngày 02/01/2018). (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Việt H, sinh năm 1987; địa chỉ: đường D, phường T.Q, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: đường NKHT, phường T.P, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2016, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lã Ngọc M trình bày:

Ngày 10/6/2010, Ông Đỗ Việt H có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP A (Hợp đồng bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), mục đích là tiêu dùng cá nhân với hạn mức là 50.000.000 đồng.

Kể từ khi ký hợp đồng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 155.194.350 đồng. Ông H đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ, lãi với số tiền là 150.477.949 đồng; do ông Đỗ Việt H không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ và ngân hàng đã nhiều

lần thông báo, nhắc nhở. Ngày 16/12/2012 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu: Tòa án buộc ông Đỗ Việt H phải trả cho ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày xét xử 22/5/2018 là 110.114.084 đồng; trong đó nợ gốc là 35.148.644 đồng và lãi quá hạn là 74.965.440 đồng. Ông H tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 23/5/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông H vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật cho bị đơn ông H nhưng ông H không đến, không có văn bản trình bày ý kiến, Tòa không tiến hành hoà giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về nguyên tắc xét xử và thành phần. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, thời hạn hoãn phiên tòa và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập đúng quy định nhưng vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 85, Điều 86, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/6/2010 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho ông Đỗ Việt H với hạn mức là 50.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ ông H đã sử dụng chi tiêu, nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, ngày 20/8/2012 và ngày 20/9/2012 Ngân hàng đã gửi Thông báo nhắc nợ cho ông H nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/12/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của ông H sang nợ quá hạn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa ông H có vay nợ Ngân hàng và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của mình.

Căn cứ Khoản 3 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. và các tài liệu có trong hồ

sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đỗ Việt H phải chịu do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Đỗ Việt H phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký kết với Ngân hàng thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an phường T.Q và phường T.P, Quận E, Tp.HCM thì bị đơn là ông Đỗ Việt H đăng ký hộ khẩu thường trú tại số đường D, phường T.Q, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: đường NKHT, phường T.P, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Đỗ Việt H các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018, giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2018/QĐST-HPT ngày 24 tháng 4 năm 2018; tuy nhiên bị đơn ông H vắng mặt; nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/6/2010 và Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký giữa Ngân hàng và bị đơn ông Đỗ Việt H và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận: Ngân hàng có cấp cho ông Đỗ Việt H thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), ông H nhận và kích hoạt thẻ ngày 14/6/2010, thực hiện các giao dịch từ thẻ với số tiền là 155.194.350 đồng, đã trả nợ gốc, lãi với số tiền là 150.477.949 đồng; do ông Đỗ Việt H không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ 35.148.644 đồng đúng hạn, ngày 16/12/2012 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 16/12/2012, theo Bảng tóm tắt của ngân hàng cung cấp, tính đến ngày 22/5/2018 ông H phải trả cho ngân hàng số nợ gốc 35.144.084 đồng và lãi quá hạn 74.965.440 đồng, tổng cộng số tiền phải trả là 110.114.084 đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Đỗ Việt H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến của mình, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay; căn cứ vào Điều 91, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn ông H không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét

xử chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Căn cứ văn bản đề nghị cấp thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và ông Đỗ Việt H ký ngày 10/6/2010; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Khoản 1.19 Điều 1 Bản các các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A quy định: “Ngày đến hạn là ngày cuối cùng mà chủ thẻ phải thanh toán số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu”.

Căn cứ vào Bản các điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, tại Điều 22 về cách tính lãi, Điều 24 về các loại phí quy định: “Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo để tạo nên sự vi phạm hợp đồng. ... khi sự kiện vi phạm xảy ra”, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ;
- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn....”

Căn cứ Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “*bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”.

Tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 24 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định nghĩa vụ của bên vay là: *Trả nợ gốc và lãi vốn vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng*

Căn cứ Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước sửa đổi bổ sung Khoản 2, Điều 13 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 quy định: *việc phạt chậm trả đối với nợ quá hạn và nợ lãi vốn vay do hai bên thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật.*

Tại Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định: *Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng.*

Xét, bị đơn ông Đỗ Việt H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã phát hành các thông báo yêu cầu thanh toán, nhưng ông H vẫn không thanh toán nên ngày 16/12/2012 Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang thành nợ quá hạn là đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Đỗ Việt H số tiền nợ tính đến ngày xét xử 22/5/2018 là 110.114.084 đồng (trong đó nợ gốc là 35.148.644 đồng, nợ lãi là 74.965.440 đồng) và ông H tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 23/5/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thời hạn trả nợ: đại diện Nguyên đơn ngân hàng yêu cầu bị đơn ông H phải trả số tiền nợ lãi quá hạn và nợ gốc ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy,

bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: bị đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Áp dụng các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005.

Áp dụng Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A: Buộc bị đơn ông Đỗ Việt H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc phải trả là 35.148.644 đồng (ba mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng) và số tiền lãi tính đến ngày 22/5/2018 là 74.965.440 đồng (bảy mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng); tổng cộng số tiền phải trả là 110.114.084 đồng (một trăm mười triệu, một trăm mười bốn ngàn, không trăm tám mươi bốn đồng).

2. Buộc bị đơn ông Đỗ Việt H phải trả số tiền 110.114.084 đồng (một trăm mười triệu, một trăm mười bốn ngàn, không trăm tám mươi bốn đồng) cho Ngân hàng TMCP A làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày 23/5/2018, bị đơn ông Đỗ Việt H còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/6/2010 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

4. Về án phí: Ông Đỗ Việt H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.505.704 đồng (năm triệu, năm trăm lẻ năm ngàn, bảy trăm lẻ bốn đồng). Ngân hàng TMCP A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ngân hàng số tiền 1.981.000 đồng (một triệu, chín trăm tám mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/02502 ngày 15/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Tp. HCM.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (TK Hoa).

Lê Thuần Phong